

Bản án số: 103/2024/DS-ST

Ngày: 20/8/2024

V/v Tranh chấp nợ vay

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Ông Nguyễn Thành Nhận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2024/TLST-DS, ngày 24/6/2024 về việc “*Tranh chấp nợ vay*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QđXXST-DS, ngày 04/7/2024.

- Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Bà B, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khóm X, phường L, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu

(ông Hiền có mặt; bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông A trình bày: ông A và bà B có mối quana hệ quen biết, nên vào ngày 03/02/2022 ông có cho bà B vay tiền để làm ăn, ông A cho bà B vay 100.000.000 đồng. Khi cho vay tiền không có làm giấy tờ nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Từ khi vay đến nay bà B chỉ trả được 20.000.000 đồng và cứ hứa nhưng không trả, nên ông đã yêu cầu bà B ký giấy mượn nợ. Trong giấy

mượn nợ thể hiện bà B thiếu ông A nợ gốc là 100.000.000đồng; lãi 45.000.000 đồng. Nay ông A khởi kiện yêu cầu bà B trả nợ gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 4/2022 cho đến khi trả xong nợ, mức lãi suất theo quy định pháp luật. Đồng thời ông A đồng ý trừ 20.000.000 đồng mà bà B đã trả cho ông vào tiền lãi.

Bị đơn bà B trình bày: bà B xác định bà B có thiếu tiền cân toán của ông A 30.000.000 đồng và 30.000.000 đồng mượn của ông A tổng là 60.000.000 đồng. Khi mượn thì thỏa thuận không đóng lãi, không làm giấy tờ, bà B cũng đã trả cho ông A 20.000.000 đồng. Nay bà B đồng ý tiếp tục trả cho ông A 60.000.000 đồng tiền gốc, lãi tính từ tháng 4/2022 theo quy định pháp luật, nhưng bà B yêu cầu Tòa án trừ số tiền 20.000.000 đồng mà bà đã trả cho ông A vào tiền gốc 60.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa xét xử, nên bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc bà B trả cho ông A 100.000.000 đồng gốc, lãi tính từ ngày 30/4/2022 đến khi trả xong nợ, trừ 20.000.000 đồng mà bà B đã trả cho ông A vào tiền lãi. Ngoài ra bà B còn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 14/6/2024 của ông A có căn cứ xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp nợ vay” do bị đơn bà B cư trú tại: Khóm X, phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nên áp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] ông A khởi kiện yêu cầu bà B có trách nhiệm trả nợ vay tổng số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi theo quy định pháp luật kể từ tháng 4/2022 cho đến khi trả xong nợ. Trong thời gian vay bà B trả được 20.000.000 đồng, ông A đồng ý đối trừ 20.000.000 đồng vào tiền lãi. Chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của ông A là có cơ sở chấp nhận, ông A giao nộp chứng cứ là “*Giấy hỏi tiền*” có chữ ký của bà Loan.

Còn bà B thì thừa nhận bà chỉ nợ tiền mua tôm của ông A 30.000.000 đồng và mượn 30.000.000 đồng, tổng là 60.000.000 đồng; khi cho mượn thì không có thỏa thuận lãi suất, không xác định thời gian trả nợ. Đối với “*Giấy hỏi tiền*” bà thừa nhận chữ ký người nợ là do bà ký, nhưng do ông A đến nơi bà mua tôm quay phá nên bà phải ký, khi ký là giấy trắng, không ghi nội dung.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/6/2024 bà B xác định chữ ký người nợ là do bà ký tên, nhưng bà cho rằng khi ký tên là giấy trắng không ghi chữ và do ông A ép buộc bà phải ký, nhưng bà không chứng minh được việc ông A ép buộc bà phải ký giấy mượn nợ, cũng không chứng minh được việc ký giấy là giấy trắng, không có nội dung. Mặt khác, bà B đã năng lực hành vi dân sự nên việc bà tự nguyện ký các giấy tờ bà phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A buộc bà B có trách nhiệm trả nợ vay gốc là 100.000.000 đồng.

[3.] Về lãi suất: ông A yêu cầu áp dụng lãi suất theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi suất vay 0.83%/tháng được tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày 20/8/2024 là 27 tháng 20 ngày ($100.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 22.963.333 \text{ đồng}$). Sau khi đối trừ tiền lãi bà B đã nộp cho ông A là 20.000.000 đồng, thì số tiền bà B phải trả cho ông A là: 102.963.333 đồng.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ xác định bà B nợ tiền vay của ông A, buộc bà B có trách nhiệm trả cho ông A tổng số tiền 102.963.333 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R về việc giải quyết vụ án là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông A được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông A không phải chịu.

- bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 102.963.333 đồng x 5% = 5.148.166 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu bà B trả nợ vay.

1.1. Buộc bà B trả cho ông A số tiền 102.963.333 đồng (Trong đó: nợ gốc: 100.000.000 đồng; lãi tính từ ngày 30/4/2022 đến khi xét xử sơ thẩm sau khi đối trừ 20.000.000 đồng là 2.963.333 đồng)

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng bà B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.1. Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5.148.166 đồng.

2.2. Ông A không phải chịu án phí, ông A đã nộp tạm ứng 3.125.000 đồng, tại biên lai thu số 0008946, ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã R được hoàn lại toàn bộ.

3. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

- Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Bạc Liêu;
- + VKSND cùng cấp;
- + Chi cục THADS cùng cấp;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thuý